

## Phụ lục I

# NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày /6/2024  
của UBND tỉnh Nam Định)

## A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

### 1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các khu vệ sinh (nhà điều hành, khu vực nhà ăn, tại 03 nhà xưởng sản xuất).
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vực nhà ăn chuyên gia.
- Nguồn số 03: Nước thải phát sinh từ hoạt động vệ sinh bề làm mát.
- Nguồn số 04: Nước thải phát sinh từ hoạt động vệ sinh bề lắng, lọc của trạm khai thác nước ngầm.
- Nguồn số 05: Nước thải phát sinh từ hoạt động vệ sinh bề lọc áp lực của trạm xử lý nước thải tập trung.

### 2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Mương thoát nước phía Bắc nhà máy.

#### 2.2. Vị trí xả nước thải

- Nước thải sau xử lý của trạm xử lý nước thải tập trung được xả qua 01 cửa xả thải vào mương thoát nước phía Bắc nhà máy tại xã Hải Thanh, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

- Tọa độ vị trí xả nước thải:  $X(m) = 2235312$ ,  $Y(m) = 0584999$  (hệ tọa độ VN2000; kinh tuyến trực  $105^{\circ}30'$ ; múi chiếu  $3^{\circ}$ ).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất:  $80 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ .

#### 2.3.1. Phương thức xả nước thải

Toàn bộ nước thải sau xử lý qua 01 cửa xả phía Bắc nhà máy theo đường ống nhựa UPVC D400 dài 95 m và D200 dài 303 m chảy vào mương thoát nước bằng phương thức bơm cưỡng bức, xả mặt, xả ven bờ.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 40:2011/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp với nồng độ tối đa cho phép của các chất ô nhiễm trong nước thải được tính theo công thức  $C_{\max} = C \times K_q \times K_f$  (Áp dụng hệ số  $K_q = 0,9$ ;  $K_f = 1,1$ ; đối với các thông số: pH, Coliform thì  $C_{\max} = C$ ), cụ thể như sau:

Bảng 1: Giá trị giới hạn thông số ô nhiễm trong nước thải sau xử lý

TT	Thông số ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn thông số ô nhiễm		Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
			C	C <sub>max</sub>		
1	pH	-	5 - 9	5,5 - 9	06 tháng/lần (02 lần/năm) theo đề xuất và cam kết của Chủ cơ sở	Không thuộc đối tượng phải lắp đặt
2	BOD <sub>5</sub> (20 <sup>0</sup> C)	mg/l	50	49,5		
3	COD	mg/l	150	148,5		
4	Chất rắn lơ lửng	mg/l	100	99		
5	Amoni (tính theo N)	mg/l	10	9,9		
6	Sunfua	mg/l	0,5	0,495		
7	Tổng Photpho (tính theo P)	mg/l	6	5,94		
8	Tổng Nitơ	mg/l	40	39,6		
9	Clo dư	mg/l	2	1,98		
10	Coliform	MPN/100ml	5.000	5.000		

Khi có sự thay đổi quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường sẽ áp dụng theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường tương ứng mới nhất.

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải**

#### **1.1. Mạng lưới thu gom nước thải**

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ khu nhà sản xuất, nhà điều hành, khu vực nhà ăn được thu gom xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn sau đó dẫn về trạm xử lý nước thải công suất 80 m<sup>3</sup>/ngày.đêm để xử lý.

- Nguồn số 02: Nước thải từ khu nhà ăn của chuyên gia xử lý sơ bộ qua bể tách mỡ sau đó dẫn về trạm xử lý nước thải công suất 80 m<sup>3</sup>/ngày.đêm để xử lý.

- Nguồn số 03: Nước thải từ quá trình vệ sinh bể làm mát và vệ sinh các bể của trạm khai thác nước ngầm được thu gom về trạm xử lý nước thải công suất 80 m<sup>3</sup>/ngày.đêm để xử lý.

- Nguồn số 04: Nước thải từ quá trình vệ sinh cột lọc áp lực của trạm xử lý nước thải được chảy về bể thu gom của trạm xử lý nước thải công suất 80 m<sup>3</sup>/ngày.đêm để xử lý.

Toàn bộ nước thải phát sinh được thu gom về trạm xử lý nước thải tập trung công suất 80 m<sup>3</sup>/ngày.đêm để xử lý đảm bảo đạt quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT (cột B) trước khi chảy vào mương thoát nước phía Bắc nhà máy.

#### **1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải**

- Công trình xử lý nước thải sơ bộ

+ Hệ thống bể tự hoại 03 ngăn: Công ty đầu tư xây dựng 05 bể tự hoại 3 ngăn (thể tích 20 m<sup>3</sup>/bể) được bố trí tại khu vực nhà điều hành (01 bể), nhà ăn (01 bể) và tại 03 xưởng sản xuất (03 bể) để xử lý sơ bộ nước thải nhà vệ sinh.

+ Bể tách dầu mỡ khu nhà ăn với thể tích 0,3 m<sup>3</sup>.

- Trạm xử lý nước thải tập trung: Công ty đã đầu tư trạm xử lý nước thải tập trung công suất 80 m<sup>3</sup>/ngày.đêm với quy trình công nghệ xử lý tóm tắt như sau: Nước thải → Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Cụm bể hiếu khí → Bể lắng → Bể trung gian → Cụm cột lọc áp lực → Hồ ga khử trùng (Nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột B; K<sub>f</sub> = 1,1; K<sub>q</sub> = 0,9) → Mương thoát nước phía Bắc nhà máy.

- Công suất thiết kế: 80 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

- Hóa chất sử dụng: Cl với khối lượng 32 kg/năm; chế phẩm vi sinh với khối lượng 45 kg/năm.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Cơ sở không thuộc đối tượng phải lắp đặt (quy định tại Khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Bố trí 01 cán bộ phụ trách vận hành giám sát hệ thống xử lý nước thải và được đào tạo đáp ứng yêu cầu vận hành; theo dõi, ghi chép sổ nhật ký vận hành; tuân thủ nghiêm ngặt quy trình vận hành trạm xử lý nước thải.

- Định kỳ kiểm tra, nạo vét hệ thống thu gom nước thải; đầu tư trang thiết bị dự phòng như: Máy bơm, máy sục khí, máy khuấy trộn,... ứng phó sự cố của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Theo dõi hoạt động, có kế hoạch bảo dưỡng định kỳ các thiết bị, máy móc.

- Khi trạm xử lý nước thải xảy ra sự cố, tạm ngừng hoạt động của trạm xử lý nước thải. Đồng thời bơm nước thải từ các bể của trạm xử lý nước thải về bể điều hòa và bơm nước thải từ bể điều hòa theo đường ống PVC D60 về bể sự cố để lưu chứa tạm thời. Cán bộ kiểm tra sửa chữa, khắc phục sự cố. Sau khi sự cố được khắc phục, nước thải xử lý đạt quy chuẩn cho phép đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục 2.3.3 phần A Phụ lục này mới cho hệ thống xử lý hoạt động trở lại.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm**

Công trình xử lý nước thải không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm theo quy định tại Khoản 4 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

## **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm nước thải xử lý đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô

nhiệm tại mục 2.3.3 phần A Phụ lục này trước khi thải ra mương thoát nước phía Bắc nhà máy. Không được phép lắp đặt đường ống khác để xả nước thải chưa xử lý ra môi trường.

### 3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của nhà máy.

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, giải quyết. Thực hiện đầu tư nâng cấp, cải tạo hệ thống xử lý nước thải để đảm bảo nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn cho phép trước khi thải ra môi trường khi cơ quan cấp phép có văn bản yêu cầu.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra ảnh hưởng tới mương thoát nước phía Bắc nhà máy, Công ty phải báo cáo bằng văn bản với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Hải Hậu để kịp thời xử lý./.